



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787
www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

010
C
RÁC
K
CÔNG
T.Đ.K
010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Nghiêm Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Lê Khánh Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2012

Số: 103 /VACO/BCKT.NV2**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 16/04/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến 23 trang. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Đức Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2012



Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1450/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		1.639.136.119.579	1.080.893.437.853
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	78.558.164.149	192.461.224.984
1. Tiền	111		18.023.164.149	74.256.224.984
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.535.000.000	118.205.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	51.389.398.064	102.737.617.366
1. Đầu tư ngắn hạn	121		122.953.418.937	136.356.333.173
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(71.564.020.873)	(33.618.715.807)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.504.436.120.202	780.341.695.329
1. Phải thu của khách hàng	131	7	124.272.657.203	226.832.227.749
2. Trả trước cho người bán	132		1.329.953.812	1.609.492.362
3. Các khoản phải thu khác	138	8	1.378.833.509.187	551.899.975.218
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.752.437.164	5.352.900.174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		649.659.899	1.145.066.303
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		21.427.737	51.617.516
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	4.081.349.528	4.156.216.355
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		10.687.373.339	12.452.652.698
I. Tài sản cố định	220		5.868.225.269	9.899.872.808
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.469.130.857	8.426.292.743
- Nguyên giá	222		25.290.381.733	25.037.504.415
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.821.250.876)	(16.611.211.672)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.399.094.412	1.473.580.065
- Nguyên giá	228		8.024.576.833	7.235.961.173
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.625.482.421)	(5.762.381.108)
II. Tài sản dài hạn khác	260		4.819.148.070	2.552.779.890
1. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	4.578.473.070	2.312.104.890
2. Tài sản dài hạn khác	268		240.675.000	240.675.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.649.823.492.918	1.093.346.090.551

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.282.817.157.568	730.445.418.420
I. Nợ ngắn hạn	310		1.282.794.668.381	730.320.923.206
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	41.950.425.130	208.462.502.641
2. Phải trả người bán	312		704.959.318	3.820.048.725
3. Người mua trả tiền trước	313		572.093.676	501.906.382
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	534.898.808	1.363.520.048
5. Phải trả nhân viên	315		2.465.161.826	4.748.124.234
6. Chi phí phải trả	316	15	117.811.298.969	2.915.126.723
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		(33.721.243)	1.472.298.693
8. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		14.241.016	14.261.030
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.416.427.127	1.435.490.258
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	16	1.117.358.883.754	505.587.644.472
II. Nợ dài hạn	330		22.489.187	124.495.214
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		22.489.187	124.495.214
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	17	367.006.335.350	362.900.672.131
I. Vốn chủ sở hữu	410		367.006.335.350	362.900.672.131
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.023.082.530	6.495.082.530
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.983.252.820	6.405.589.601
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	400		1.649.823.492.918	1.093.346.090.551

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị: VND	
	31/12/2011	31/12/2010
Chứng khoán lưu ký của Công ty	62.285.180.000	62.139.320.000
Chứng khoán lưu ký của nhà đầu tư	1.571.487.160.000	1.199.898.840.000



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2012

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng


Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu	01	18	311.964.381.625	204.257.933.097
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		17.604.526.574	48.603.890.800
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		6.062.239.512	10.368.154.199
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		9.478.423.754	12.021.777.807
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	7.861.457
Doanh thu khác	01.9		278.819.191.785	133.256.248.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	96.485.701	16.152.203
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	18	311.867.895.924	204.241.780.894
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	19	290.303.107.067	184.806.550.791
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		21.564.788.857	19.435.230.103
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.550.385.017	14.306.472.858
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		8.014.403.840	5.128.757.245
8. Thu nhập khác	31		5.000.270	17.043.835
9. Chi phí khác	32		29.250.000	7.893.333
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(24.249.730)	9.150.502
11. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50=30+40)	50		7.990.154.110	5.137.907.747
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		7.990.154.110	5.137.907.747
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	228	147




Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2012


Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	7.990.154.110	5.137.907.747
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	5.128.878.593	7.679.123.741
- Các khoản dự phòng	3	37.945.305.066	(1.777.673.566)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(243.370.812.669)	(20.234.984.289)
- Chi phí lãi vay	6	190.788.865.188	92.668.013.289
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(1.517.609.712)	83.472.386.922
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	(724.094.424.873)	1.816.941.678.062
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.473.165.938.827	(1.521.628.468.942)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	495.406.404	136.967.447
- Tiền lãi vay đã trả	13	(74.891.642.966)	(533.216.988.532)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(6.542.299.784)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	479.141.149	1.471.349.901
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(13.522.897.510)	(5.992.692.004)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	660.113.911.319	(165.358.066.930)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.086.869.660)	(4.073.230.228)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	87.040.002
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.814.498.520.200)	(1.810.467.582.317)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.076.168.000.000	1.622.801.412.405
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	131.912.495.217	131.376.018.365
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(607.504.894.643)	(60.276.341.773)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.335.143.770.273	836.150.913.886
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.501.655.847.784)	(642.688.411.245)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(47.968.832.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(166.512.077.511)	145.493.669.763
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(113.903.060.835)	(80.140.738.940)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	192.461.224.984	272.601.963.924
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	78.558.164.149	192.461.224.984



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2012

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 196 người (năm 2010: 230 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, nằm trong tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

Các bên liên quan

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong năm nay, Công ty đã áp dụng Thông tư này và trình bày thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo như trình bày tại thuyết minh số 25.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản tiền ký quỹ của nhà đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01/02/2000 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán của các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm sử dụng

Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông theo điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu

- **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).
- **Doanh thu hoạt động tư vấn:**
Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.
- **Doanh thu khác:**
Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty còn khoản lỗ tính thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là 521.426.116 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	63.501.500	3.475.000
Tiền gửi ngân hàng	15.108.051.401	69.005.898.396
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	2.851.611.248	5.246.851.588
Các khoản tương đương tiền	60.535.000.000	118.205.000.000
	78.558.164.149	192.461.224.984

Trong số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền có bao gồm 64.218.562.444 VND là tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán (xem thêm Thuyết minh số 16).

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chứng khoán tự doanh	122.953.418.937	136.356.333.173
Cổ phiếu chưa niêm yết	35.725.491.863	84.000.068.047
Cổ phiếu niêm yết	87.226.027.074	49.692.465.126
Trái phiếu	1.900.000	2.663.800.000
Trừ : Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(71.564.020.873)	(33.618.715.807)
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(23.527.274.863)	(20.033.043.808)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(48.036.746.010)	(13.585.671.999)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.389.398.064	102.737.617.366

Công ty vận dụng Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính để trích lập dự phòng đối với chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng, theo đó giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo số kế toán VND	Giảm so với giá thị trường VND	Giá trị theo giá thị trường VND
Chứng khoán đầu tư	6.228.518	122.953.418.937	(71.564.020.873)	51.389.398.064
Chứng khoán sẵn sàng để bán	6.228.518	122.953.418.937	(71.564.020.873)	51.389.398.064
	6.228.518	122.953.418.937	(71.564.020.873)	51.389.398.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu hoạt động ký quỹ mua chứng khoán	120.859.054.739	226.623.720.363
Phải thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	1.621.410.210	-
Phải thu hoạt động tư vấn	1.792.192.254	208.507.386
	124.272.657.203	226.832.227.749

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lãi dự thu hợp đồng bán lại chứng khoán (i)	101.560.852.083	293.570.987
Lãi dự thu hợp đồng giao dịch mua ký quỹ chứng khoán	1.619.258.854	708.754.679
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	323.661.111	134.355.556
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (ii)	567.714.520.200	538.084.000.000
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty CP Bất động sản Phú Vinh (ii)	350.000.000.000	-
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty CP Đầu tư Kim cương xanh (ii)	200.000.000.000	-
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty CP Dịch vụ Thương mại Hồ Chí Minh (ii)	150.000.000.000	-
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán nhỏ lẻ khác	672.294.444	4.540.679.400
Phải thu cổ tức	397.952.000	1.559.112.028
Phải thu khác	6.544.970.495	6.579.502.568
	1.378.833.509.187	551.899.975.218

Ghi chú:

- (i) Khoản lãi dự thu Công ty đang ước tính cho các hợp đồng mua bán lại chứng khoán, theo hợp đồng thì đối tác của Công ty cam kết mua lại toàn bộ số cổ phần đã bán cho Công ty hoặc phải nhận nợ vô điều kiện và cam kết phải thanh toán cho Công ty khoản tiền chênh lệch mà tổng giá trị xử lý cổ phần thấp hơn giá trị hợp đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, các hợp đồng này đã được tiếp tục gia hạn cho thời gian tới.
- (ii) Phải thu liên quan đến các hợp đồng bán lại chứng khoán của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn với giá trung bình 21.101 đồng/một cổ phần; hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Bất động sản Phú Vinh với giá trung bình 10.000 đồng/một cổ phần; hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Cương Xanh với giá trung bình 10.000 đồng/một cổ phần và hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Hồ Chí Minh với giá trung bình 100.000 đồng/một cổ phần. Cổ phiếu của các Công ty này chưa niêm yết. Tại ngày 31/12/2011, Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	3.463.096.928	3.436.463.755
Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	618.252.600	719.752.600
	4.081.349.528	4.156.216.355

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
Số 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
MÃU SỐ B 09-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2010	20.069.821.345	1.066.243.200	3.627.650.858	273.789.012	25.037.504.415
Tăng trong năm	319.682.000	-	-	-	319.682.000
Mua sắm mới	319.682.000	-	-	-	319.682.000
Giảm trong năm	21.307.608	-	45.497.074	-	66.804.682
Thanh lý nhượng bán	-	-	45.497.074	-	45.497.074
Giảm khác	21.307.608	-	-	-	21.307.608
Tại ngày 31/12/2011	20.368.195.737	1.066.243.200	3.582.153.784	273.789.012	25.290.381.733
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 31/12/2010	12.971.449.554	551.494.773	2.814.478.333	273.789.012	16.611.211.672
Tăng trong năm	3.662.252.263	177.707.208	425.817.809	-	4.265.777.280
Khấu hao trong kỳ	3.662.252.263	177.707.208	425.817.809	-	4.265.777.280
Giảm trong năm	21.307.608	-	34.430.468	-	55.738.076
Thanh lý nhượng bán	-	-	34.430.468	-	34.430.468
Giảm khác	21.307.608	-	-	-	21.307.608
Tại ngày 31/12/2011	16.612.394.209	729.201.981	3.205.865.674	273.789.012	20.821.250.876
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	7.098.371.791	514.748.427	813.172.525	-	8.426.292.743
Tại ngày 31/12/2011	3.755.801.528	337.041.219	376.288.110	-	4.469.130.857

Tại ngày 31/12/2011, tổng nguyên giá các tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng của máy móc, thiết bị là 12.393.966.562 VND; thiết bị quản lý là 2.431.797.124 VND; tài sản cố định hữu hình khác là 273.789.012 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 31/12/2010	7.235.961.173	7.235.961.173
Tăng trong năm	788.615.660	788.615.660
<i>Mua sắm mới</i>	788.615.660	788.615.660
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2011	<u>8.024.576.833</u>	<u>8.024.576.833</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 31/12/2010	5.762.381.108	5.762.381.108
Tăng trong năm	863.101.313	863.101.313
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	863.101.313	863.101.313
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2011	<u>6.625.482.421</u>	<u>6.625.482.421</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2010	1.473.580.065	1.473.580.065
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.399.094.412</u>	<u>1.399.094.412</u>

Tại ngày 31/12/2011, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng là 4.873.003.426 VND.

12. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền nộp ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nộp bổ sung	3.872.167.172	1.968.453.856
Tiền lãi phân bổ trong năm	581.816.654	219.161.790
	<u>4.578.473.070</u>	<u>2.312.104.890</u>

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty CP Đầu tư Tài chính Bảo Hiểm Dầu khí	-	32.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	59.232.599.169
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	80.000.000.000
Vay cá nhân và tổ chức (i)	41.950.425.130	37.229.903.472
	<u>41.950.425.130</u>	<u>208.462.502.641</u>

Ghi chú: (i) Bao gồm nhiều hợp đồng vay cá nhân, tổ chức với lãi suất từ 17,37% năm đến 18,42% năm.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	26.803.530	-
Thuế thu nhập cá nhân	508.095.278	1.363.520.048
	<u>534.898.808</u>	<u>1.363.520.048</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (i)	115.897.222.222	-
Lãi vay phải trả tổ chức và các nhân khác	683.359.604	1.785.583.229
Chi phí phải trả khác	1.230.717.143	1.129.543.494
	117.811.298.969	2.915.126.723

Ghi chú: (i) Khoản lãi phải trả liên quan đến các khoản phải trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa đã được trình bày trên thuyết minh số 16.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư	64.218.562.444	152.352.234.203
Phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Tín Nghĩa (i)	1.050.000.000.000	350.000.000.000
Phải trả phải nộp khác	3.140.321.310	3.235.410.269
	1.117.358.883.754	505.587.644.472

Ghi chú: (i) Gồm 8 hợp đồng đặt cọc mua chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa. Các hợp đồng trên có kỳ hạn dưới hoặc bằng 1 năm. Theo đó, Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa sẽ đặt cọc một khoản tiền cho Công ty để thực hiện mua chứng khoán theo hợp đồng, trong trường hợp không mua được, Công ty phải chịu lãi tính trên số tiền đặt cọc trên. Lãi suất từ ngày ký hợp đồng đến ngày 01/09/2011 là 21% năm, lãi suất từ ngày 01/09/2011 là 17%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND
Số dư tại 31/12/2009	350.000.000.000	199.079.724	62.960.028.050
<i>Tăng trong năm</i>	-	6.296.002.806	5.137.907.747
Trích quỹ trong năm	-	6.296.002.806	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.137.907.747
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	61.692.346.196
Phân phối lợi nhuận 2009	-	-	61.692.346.196
Số dư tại 31/12/2010	350.000.000.000	6.495.082.530	6.405.589.601
<i>Tăng trong năm</i>	-	528.000.000	7.990.154.110
Trích quỹ trong năm	-	528.000.000	-
Lãi trong năm	-	-	7.990.154.110
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	4.412.490.891
Phân phối lợi nhuận 2010 (*)	-	-	4.412.490.891
Số dư tại 31/12/2011	350.000.000.000	7.023.082.530	9.983.252.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Ghi chú: (*) Theo biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 19/05/2011, lợi nhuận năm 2010 được phân phối như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính:	528.000.000
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	264.000.000
+ Quỹ dự trữ bất buộc	264.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.884.490.891
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.384.490.891
+ Quỹ hoạt động hội đồng quản trị	2.500.000.000

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại 31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	38.500.000.000	11,00%	38.500.000.000	11,00%
Nguyễn Văn Dũng	68.627.390.000	19,61%	68.627.390.000	19,61%
Nguyễn Việt Cường	62.809.030.000	17,95%	62.809.030.000	17,95%
Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT	11.054.590.000	3,16%	11.054.590.000	3,16%
Các cổ đông khác	169.008.990.000	48,29%	169.008.990.000	48,29%
Tổng cộng	350.000.000.000	100,00%	350.000.000.000	100,00%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Năm 2011	Năm 2010	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	35.000.000	35.000.000	cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	17.604.526.574	48.603.890.800
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.062.239.512	10.368.154.199
Doanh thu hoạt động tư vấn	9.478.423.754	12.021.777.807
Doanh thu ủy thác đầu giá	-	7.861.457
Doanh thu khác	278.819.191.785	133.256.248.834
<i>Doanh thu lãi tiền gửi; lãi hoạt động đầu tư chứng khoán</i>	<i>6.023.330.608</i>	<i>2.785.240.630</i>
<i>Doanh thu hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán</i>	<i>40.100.175.084</i>	<i>20.234.984.289</i>
<i>Doanh thu các hoạt động mua bán lại chứng khoán</i>	<i>231.285.242.549</i>	<i>106.749.707.137</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>1.410.443.544</i>	<i>3.486.316.778</i>
Tổng doanh thu	311.964.381.625	204.257.933.097
Các khoản giảm trừ doanh thu	(96.485.701)	(16.152.203)
Doanh thu thuần	311.867.895.924	204.241.780.894

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí môi giới	2.778.279.062	8.956.303.675
Chi phí đầu tư chứng khoán góp vốn	10.012.974.736	34.944.182.831
Chi phí dự phòng	37.945.305.066	(1.777.673.566)
Chi phí lãi vay	190.788.865.188	92.668.013.289
Chi phí khác	48.777.683.015	50.015.724.562
	290.303.107.067	184.806.550.791

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.990.154.110	5.137.907.747
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	(5.478.689.275)	(9.678.979.178)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.508.180.480	-
Chuyển lỗ của năm trước	(4.019.645.315)	-
Thu nhập chịu thuế	-	(4.541.071.431)
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Công ty chưa loại trừ các khoản chi phí không được khấu trừ phát sinh trong năm khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến khoản mục sau:

	31/12/2011 VND
Lỗi tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010	4.541.071.431
Lỗi tính thuế chuyển năm 2011	(4.019.645.315)
Lỗi tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 còn được chuyển vào các năm tiếp theo năm hết hạn chuyển lỗ là năm 2015	521.426.116

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.990.154.110	5.137.907.747
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	228	147
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

23. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Của Công ty chứng khoán	1.650.619	28.830.975.279
- Cổ phiếu	1.650.619	28.830.975.279
b) Của nhà đầu tư	492.165.094	6.511.215.122.621
- Cổ phiếu	492.165.094	6.511.215.122.621
	493.815.713	6.540.046.097.900

24. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Ban Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong năm:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	1.142.011.200	2.008.278.525
Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	64.000.000	64.000.000
	1.206.011.200	2.072.278.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4).

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Công ty không phát sinh có nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ, do đó không có rủi ro về tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Các nghiệp vụ mua hàng hóa của Công ty phát sinh không đáng kể do đó Công ty không có rủi ro về giá hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Vay và nợ ngắn hạn	41.950.425.130	-	41.950.425.130
Phải trả người bán	704.959.318	-	704.959.318
Chi phí phải trả	117.811.298.969	-	117.811.298.969
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(33.721.243)	-	(33.721.243)
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	14.241.016	-	14.241.016
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.117.358.883.754	-	1.117.358.883.754
	1.277.806.086.944	-	1.277.806.086.944
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Vay và nợ ngắn hạn	208.462.502.641	-	208.462.502.641
Phải trả người bán	3.820.048.725	-	3.820.048.725
Chi phí phải trả	2.915.126.723	-	2.915.126.723
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.472.298.693	-	1.472.298.693
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	14.261.030	-	14.261.030
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	505.587.644.472	-	505.587.644.472
	722.271.882.284	-	722.271.882.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng của tài sản tài chính chưa bao gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.558.164.149	-	78.558.164.149
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	122.953.418.937	-	122.953.418.937
Phải thu của khách hàng	124.272.657.203	-	124.272.657.203
Các khoản phải thu khác	1.378.833.509.187	-	1.378.833.509.187
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	-	4.578.473.070	4.578.473.070
	1.704.617.749.476	4.578.473.070	1.709.196.222.546
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.461.224.984	-	192.461.224.984
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	102.737.617.366	-	102.737.617.366
Phải thu của khách hàng	226.832.227.749	-	226.832.227.749
Các khoản phải thu khác	551.899.975.218	-	551.899.975.218
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	-	2.312.104.890	2.312.104.890
	1.073.931.045.317	2.312.104.890	1.076.243.150.207

Các khoản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2011, Công ty đang nắm giữ tài sản đảm bảo liên quan đến các hợp đồng mua bán lại chứng khoán là các chứng khoán chưa niêm yết của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Công ty Cổ phần Bất động sản Phú Vinh, Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Cương Xanh, Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại Hồ Chí Minh và tài sản đảm bảo là giá trị cổ phiếu liên quan đến các hợp đồng giao dịch mua kỳ quỹ chứng khoán.

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 11.056.347.917 VND.

Tại ngày 31/12/2011, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Trong vòng một năm tới	6.786.360.909	4.880.200.110
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.953.818.182	3.640.275.288
	8.740.179.091	8.520.475.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN


Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo


27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu năm 2010 đã được kiểm toán. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác, khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

	Trình bày lại trên báo cáo 2011 VND	Trình bày trên báo cáo 2010 VND
Bảng cân đối kế toán		
Phải thu khách hàng	226.832.227.749	191.276.716.039
Phải thu khác	551.899.975.218	587.455.486.928
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	505.587.644.472	155.587.644.472
Phải trả dài hạn khác	-	350.000.000.000




Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2012


Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng